

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TIỀN GIANG**

Bản án số: 310/2018/DS-PT

Ngày: 20/9/2018

V/v tranh chấp: “Hợp đồng vay tài sản”.

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Kim Em.

Các Thẩm phán: - Ông Nguyễn Ngọc Thái Dũng;

- Bà Võ Thị Thu Thúy.

Thư ký phiên toà: Ông Trần Quang Minh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang: Bà Từ Thị Kỳ - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 20 tháng 9 năm 2018 tại Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 171/2018/TLPT-DS ngày 06 tháng 8 năm 2018 về việc tranh chấp “*Hợp đồng vay tài sản*”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 131/2018/DS-ST ngày 02/5/2018 của Tòa án nhân dân huyện C bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 231/2018/QĐPT-DS ngày 09/8/2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* **Nguyễn Thị Thu T**, sinh năm 1968 (có mặt).

Địa chỉ: Số 271, ấp T, xã T, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Luật sư **Trần Bích L** – Thuộc Văn phòng luật sư B, Đoàn luật sư tỉnh Tiền Giang.

- *Bị đơn:* **Nguyễn Văn B**, sinh năm 1962.

Địa chỉ: ấp Đ, xã L, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Nguyễn Thị C, sinh năm 1959.

Địa chỉ: Số 215/8A, ấp M, xã M, thành phố M, tỉnh Tiền Giang. (vắng mặt)

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Luật sư **Phan Thị H** – Văn phòng luật sư Nguyễn Văn Thận, thuộc Đoàn luật sư tỉnh Tiền Giang. (có mặt)

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1/ Nguyễn Văn K, sinh năm 1952.

2/ Nguyễn Thị Kim H, sinh năm 1954.

Địa chỉ: Số 306A, đường L, phường 5, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

Người đại diện theo ủy quyền của ông K, bà H: Đoàn Văn T, sinh năm 1971 (có mặt).

Địa chỉ: Số 147/5, đường Đ, khu phố 9, phường 5, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

- *Người kháng cáo:* + Bị đơn **Nguyễn Văn B**.

+ Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan **Nguyễn Văn K, Nguyễn Thị Kim H**.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo án sơ thẩm;

- Nguyên đơn, bà Nguyễn Thị Thu T trình bày:

Ngày 01/4/2016, ông Nguyễn Văn B có vay của bà số tiền 500.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận 01%/tháng. Thời gian vay 03 tháng đến ngày 01/7/2016, ông B sẽ trả hết nợ. Ông B có viết và ký tên giấy biên nhận nợ và đưa 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BO 726855 do ông B đứng tên, khi nào ông B trả đủ tiền thì bà sẽ trả lại giấy trên. Quá trình vay ông B có trả được 60.000.000 đồng tiền lãi, hẹn đến ngày 03/7/2017 sẽ trả đủ vốn, tiền lãi sẽ trả sau, nhưng ông B không thực hiện như cam kết.

Nay bà T yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết buộc ông Nguyễn Văn B phải trả 500.000.000 đồng tiền vốn và số tiền lãi tính từ ngày 01/4/2016 đến khi xét xử, theo mức lãi suất 01%/tháng, đồng ý trừ 60.000.000 đồng tiền lãi đã nhận. Trả một lần khi án có hiệu lực pháp luật.

- Bị đơn, ông Nguyễn Văn B trình bày:

Ông thừa nhận có vay của bà T nhiều lần, cụ thể như sau:

Lần 1: Ngày 01/10/2015 vay 200.000.000 đồng.

Lần 2: Ngày 02/10/2015 vay 50.000.000 đồng.

Lần 3: Ngày 24/10/2015 vay 100.000.000 đồng.

Lần 4: Ngày 27/12/2015 vay 50.000.000 đồng.

Lần 5: Ngày 30/12/2015 vay 200.000.000 đồng.

Tổng cộng: 600.000.000 đồng. Mục đích vay giúp cho ông Nguyễn Văn K và bà Nguyễn Thị Kim H. Khi vay có mặt ông K, bà H trực tiếp nhận tiền. Mỗi lần vay ông B đều có viết biên nhận nợ do bà T giữ đồng thời ông có giao 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do ông đứng tên cho bà T. Lãi suất thỏa

thuận là 06%/tháng nhưng trong giấy ghi 01%/tháng, khi vay ông B là người viết giấy nợ cho ông K, bà H nên không biết giữa ông K, bà H với bà T thỏa thuận thời gian vay là bao lâu.

Sau khi vay ông K, bà H có trả cho bà T 100.000.000 đồng tiền vốn nên mới làm giấy mượn tiền với số tiền vay là 500.000.000 đồng và hẹn ngày 01/7/2016 sẽ trả hết vốn và lãi. Từ khi vay tiền đến nay ông K, bà H có trả lãi cho bà T 363.000.000 đồng, mỗi lần trả bà T có ghi vào sổ của bà T chứ không làm biên nhận tiền lãi cho ông K, bà H.

Nay ông B đồng ý trả tiền vốn 500.000.000 đồng cho bà T, yêu cầu trừ tiền lãi đã trả 363.000.000 đồng vào tiền vốn, đồng ý tính lãi 01%/tháng.

Đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Văn K và bà Nguyễn Thị Kim H là ông Đoàn Văn T trình bày: Ông K, bà H thừa nhận có nhờ ông B vay 600.000.000 đồng của bà T, lãi suất 06%/tháng. Ông B có viết biên nhận nợ và đưa 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà T, tiền vay do ông K, bà H nhận. Ông K, bà H đã trả cho bà T 100.000.000 đồng tiền vốn và 363.000.000 đồng tiền lãi. Nay ông K, bà H đồng ý trả thay cho ông B tiền vốn 500.000.000 đồng, đồng ý trả lãi theo lãi suất 01%/tháng, yêu cầu trừ tiền lãi đã trả 363.000.000 đồng vào tiền vốn.

Bản án dân sự sơ thẩm số 131/2018/DS-ST ngày 02/5/2018 của Tòa án nhân dân huyện C đã quyết định:

Áp dụng khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; điểm b, d khoản 2 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 305, 471, 474, 476 của Bộ luật dân sự năm 2005; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UNTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thu T.

Buộc ông Nguyễn Văn B phải trả cho bà Nguyễn Thị Thu T tổng số tiền 565.000.000 đồng (trong đó vốn gốc 500.000.000 đồng, lãi 65.000.000 đồng), trả một lần khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày bà T có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông B chậm trả số tiền trên thì hàng tháng còn phải chịu thêm tiền lãi theo lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước quy định tương ứng với thời gian và số tiền chậm trả tại thời điểm thanh toán.

Bà Nguyễn Thị Thu T phải trả lại cho ông Nguyễn Văn B 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số vào sổ cấp GCN: CH19109 do Ủy ban nhân dân huyện C cấp ngày 19/6/2013 cho ông Nguyễn Văn B và sổ vào sổ cấp GCN: CH19110 do Ủy ban nhân dân huyện C cấp ngày 19/6/2013 cho ông Nguyễn Văn B.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định pháp luật.

- Ngày 14/5/2018, bị đơn Nguyễn Văn B kháng cáo toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm, yêu cầu Hội đồng xét xử xem xét giảm bớt tiền vốn và lãi để ông có điều kiện trả số nợ cho nguyên đơn.

- Ngày 16/5/2018, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Văn K, Nguyễn Thị Kim H kháng cáo toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm, yêu cầu Hội đồng xét xử xem xét giảm bớt tiền vốn và lãi để ông bà và ông B có điều kiện trả số nợ cho nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Nguyễn Văn B giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, yêu cầu Hội đồng xét xử xem xét giảm bớt tiền vốn và lãi để ông có điều kiện trả số nợ cho nguyên đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Văn K, Nguyễn Thị Kim H giữ nguyên kháng cáo yêu cầu Hội đồng xét xử xem xét giảm bớt tiền vốn và lãi để ông bà và ông B có điều kiện trả số nợ cho nguyên đơn. Nguyên đơn không đồng ý đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện C.

Hai bên đương sự không thỏa thuận với nhau về việc giải quyết vụ án.

- Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích cho nguyên đơn cho rằng bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan kháng cáo nhưng không có cung cấp chứng cứ gì chứng minh nên đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện C.

- Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích cho nguyên đơn cho rằng bị đơn cho rằng thực tế số tiền này nguyên đơn cho bị đơn vay là 06% nhưng giấy tờ chỉ đề 01%, bị đơn vay dùm ông K, bà H, hai người này nhận tiền của bà T và có trả lãi cho bà T được số tiền 363.000.000 đồng, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét trừ lãi vào vốn để cho ông B, ông K và bà H trả nợ cho bà Trang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang phát biểu:

+ Về tố tụng: Từ khi thụ lý, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

+ Về nội dung vụ án: Kháng cáo của bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan kháng cáo nhưng không cung cấp chứng cứ chứng minh đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông B, bà H, ông K. Căn cứ khoản 1 Điều 308 bộ luật tố tụng dân sự, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện C.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, lời trình bày của các đương sự, ý kiến luật sư bảo vệ quyền lợi cho các đương sự, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Xét đơn kháng cáo của ông Nguyễn Văn B, Nguyễn Văn K và Nguyễn Thị Kim H là trong hạn luật định và đã nộp tạm ứng án phí là đúng với quy định tại Điều 271, 272 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên được xem xét giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện C giải quyết vụ án là đúng quy định tại khoản 3 Điều 26, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung vụ án: Ngày 01/4/2016, bà T có cho ông B vay số tiền 500.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận 01%/tháng. Thời gian vay 03 tháng đến ngày 01/7/2016, ông B sẽ trả hết nợ. Ông B có viết và ký tên giấy biên nhận nợ và đưa 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BO 726855 do ông B đứng tên, khi nào ông B trả đủ tiền thì bà sẽ trả lại giấy trên. Quá trình vay ông B có trả được 60.000.000 đồng tiền lãi, hạn đến ngày 03/7/2017 sẽ trả đủ vốn, tiền lãi sẽ trả sau, nhưng ông B không thực hiện như cam kết. Căn cứ vào biên nhận nợ là ông B đã vi phạm thực hiện nghĩa vụ đối với bà T. Bà T yêu cầu ông B trả buộc ông Nguyễn Văn B phải trả 500.000.000 đồng tiền vốn và số tiền lãi theo lãi suất 01% tính từ ngày 01/4/2016 đến khi xét xử là 25 tháng nhưng bà T đã nhận được 12 tháng là 60.000.000 đồng còn lại 13 tháng là 65.000.000 đồng. Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà T là có căn cứ.

Ông B, ông K và bà H kháng cáo cho rằng số tiền ông B vay của bà T là vay dùm bà H, ông K và ông K, bà H cũng thừa nhận là ông B vay dùm ông bà với lãi suất 06% tháng ông K, bà H có trả được 363.000.000 đồng tiền lãi, đồng ý 500.000.000 đồng, tính lãi 01% đến nay trừ vào số tiền 363.000.000 đồng. Xét thấy bà T không thừa nhận lời trình bày này của ông B, ông K và bà H, ông bà không có giấy tờ chứng cứ gì chứng minh nên Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông B, ông K, bà H, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số: 131/2018/DS-ST ngày 02/5/2018 của Tòa án nhân dân huyện C.

Việc bà T hiện nay đang giữ 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông B đứng tên, bà T đồng ý trả lại ông B khi ông B trả xong số nợ nên Hội đồng xét xử ghi nhận. Tuy nhiên 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp sơ thẩm ghi nhận bà T trả lại cho ông B có một số là không đúng với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên điều chỉnh lại cho đúng.

Đối với phần lãi suất chậm thực hiện nghĩa vụ thi hành án, Tòa án cấp sơ thẩm tuyên ông B chậm thực hiện nghĩa vụ thì phải chịu thêm tiền lãi theo lãi suất cơ bản là không đúng mà phải chịu thêm lãi suất tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự 2015 mới đúng nên cần điều chỉnh lại cho phù hợp.

Xét đề nghị của luật sư bảo vệ quyền lợi cho nguyên đơn phù hợp nhận định trên nên ghi nhận.

Xét đề nghị của luật sư bảo vệ quyền lợi cho bị đơn không phù hợp nhận định trên nên không chấp nhận.

Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với những nhận định nêu trên của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Về án phí: Do yêu cầu kháng cáo ông B, ông K, bà H không được chấp nhận nên ông bà phải chịu án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; điểm b, đ khoản 2 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228, khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 471, 474, 476 của Bộ luật dân sự năm 2005; Khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự 2015, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UNTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Xử: Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn Văn B, Nguyễn Văn K và Nguyễn Thị Kim H.

Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số: 131/2018/DS-ST ngày 02/5/2018 của Tòa án nhân dân huyện C.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thu T.

Buộc ông Nguyễn Văn B phải trả cho bà Nguyễn Thị Thu T tổng số tiền 565.000.000 đồng (trong đó vốn gốc 500.000.000 đồng, lãi 65.000.000 đồng), trả khi án có hiệu lực pháp luật.

Bà Nguyễn Thị Thu T phải trả lại cho ông Nguyễn Văn B 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số vào sổ cấp GCN: CH19109 do Ủy ban nhân dân huyện C cấp ngày 19/6/2013 cho ông Nguyễn Văn B và sổ vào sổ cấp GCN: CH19110 do Ủy ban nhân dân huyện C cấp ngày 19/6/2013 cho ông Nguyễn Văn B.

Kể từ ngày bà T có đơn yêu cầu thi hành án ông B chậm thi hành thì phải chịu lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự 2015 tương ứng với thời điểm thanh toán.

Về án phí: Ông B phải chịu 300.000 đồng án phí phúc thẩm và 26.600.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Tổng cộng là 26.900.000 đồng, ông B đã nộp tạm ứng án phí phúc thẩm 300.000 đồng theo biên lai thu số 0014590 ngày 14/5/2018 của Chi cục thi hành án huyện C được chuyển sang án phí, ông B còn phải nộp là 26.600.000 đồng.

Ông K, bà H phải chịu là 300.000 đồng án phí phúc thẩm; ông bà đã nộp tạm ứng án phí phúc thẩm 300.000 đồng theo biên lai thu số 0014614 ngày 16/5/2018 của Chi cục thi hành án huyện C được chuyển sang án xem như ông K, bà H nộp xong án phí.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo điều 2 Luật thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Tp.HCM;
 - VKSND tỉnh Tiền Giang;
 - TAND huyện C;
 - CCTHADS huyện C;
 - Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Kim Em